

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	2	27.00	3.5	30.50
2	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	2	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
4	Quàng Thị	Thanh	TTB005699	1	26.25	3.5	29.75
5	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	2	26.00	3.5	29.50
6	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	2	26.00	3.5	29.50
7	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	2	26.00	3.5	29.50
8	Triệu Linh	Đan	TND004771	1	26.00	3.5	29.50
9	Lường Văn	Đông	TTB001526	2	25.75	3.5	29.25
10	Phạm Thị	Nga	HDT017497	2	25.75	3.5	29.25
11	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
12	Hà Thị	Chang	TND002060	2	25.50	3.5	29.00
13	Bùi Thị	Nường	HDT019148	2	25.50	3.5	29.00
14	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	2	25.50	3.5	29.00
15	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	2	25.50	3.5	29.00
16	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	2	26.50	2.5	29.00
17	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	2	25.50	3.5	29.00
18	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
19	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
20	Bàn Thị	Vân	TND029017	1	25.50	3.5	29.00
21	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	1	25.50	3.5	29.00
22	Chu Thị	Oanh	TND019256	1	25.50	3.5	29.00
23	Quan Thị	Nga	DCN007886	2	25.25	3.5	28.75
24	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	2	25.25	3.5	28.75
25	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	2	25.25	3.5	28.75
26	Trần Thị	Hằng	TDV009422	2	27.25	1.5	28.75
27	Quan Thị Thu	Quỳnh	TQU004637	2	25.25	3.5	28.75
28	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
29	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	2	25.25	3.5	28.75
31	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
32	Dương Thị	Thư	TTB006434	2	27.00	1.5	28.50
33	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	2	25.00	3.5	28.50
34	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	2	28.00	0.5	28.50
35	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	2	25.00	3.5	28.50
36	Lò Thị	Diện	TTB001037	2	25.00	3.5	28.50
37	Đặng Hồng	Minh	THV008679	2	25.00	3.5	28.50
38	Võ Thị	Huyền	TDV013985	2	27.00	1.5	28.50
39	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	2	25.00	3.5	28.50
40	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	2	27.50	1.0	28.50
41	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	2	27.00	1.5	28.50
42	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
43	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	2	27.00	1.5	28.50
44	Vừ A	Tủa	TTB007052	1	25.00	3.5	28.50
45	Bùi Thị	Giang	DCN002642	1	25.00	3.5	28.50
46	Hoàng Thị	Ly	TND015654	2	24.75	3.5	28.25
47	Nông Thu	Trang	DCN011942	2	24.75	3.5	28.25
48	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	2	24.75	3.5	28.25
49	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	2	24.75	3.5	28.25
50	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	2	26.75	1.5	28.25
51	Lê Thị	Thế	TND023694	2	24.75	3.5	28.25
52	Phan Đức	Quý	TND020712	2	24.75	3.5	28.25
53	Lưu Thị	Mai	SPH010983	2	27.25	1.0	28.25
54	Nông Thị	Phương	KQH010977	2	24.75	3.5	28.25
55	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	1	24.75	3.5	28.25
56	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	1	24.75	3.5	28.25
57	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25
58	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	1	26.25	2.0	28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	3	26.50	1.5	28.00
60	La Thị	Lệ	DCN006045	2	24.50	3.5	28.00
61	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	2	24.50	3.5	28.00
62	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	2	26.50	1.5	28.00
63	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	2	26.50	1.5	28.00
64	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00
65	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	2	24.50	3.5	28.00
66	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	2	26.00	2.0	28.00
67	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	2	24.50	3.5	28.00
68	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	2	26.50	1.5	28.00
69	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	2	24.50	3.5	28.00
70	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	2	26.50	1.5	28.00
71	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	2	26.50	1.5	28.00
72	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	2	26.50	1.5	28.00
73	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	2	27.50	0.5	28.00
74	Đàm Thị	Nhung	TND018794	2	24.50	3.5	28.00
75	Lương Thị	Bên	TDV002344	2	24.50	3.5	28.00
76	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
77	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	2	26.50	1.5	28.00
78	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	2	24.50	3.5	28.00
79	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	2	24.50	3.5	28.00
80	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	1	24.50	3.5	28.00
81	Và A	Tủa	TTB007056	1	24.50	3.5	28.00
82	Vừ A	Đĩa	TTB001020	1	24.50	3.5	28.00
83	Lý Thị Thanh	Huế	TND010084	1	24.50	3.5	28.00
84	Cà Thị	Quyên	TTB005107	1	24.50	3.5	28.00
85	Cà Văn	Chung	TTB000727	1	24.50	3.5	28.00
86	Lý Thị	An	TND000038	2	24.25	3.5	27.75
87	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Lò Văn	Duyệt	HDT004727	2	24.25	3.5	27.75
89	Đào Thị	Thúy	SPH016697	2	26.25	1.5	27.75
90	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	2	26.25	1.5	27.75
91	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	2	24.25	3.5	27.75
92	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	2	26.25	1.5	27.75
93	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75
94	Vương Hồng	Huyền	THP006755	2	26.75	1.0	27.75
95	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	2	27.25	0.5	27.75
96	Lự Thị	Thúy	THV013127	2	24.25	3.5	27.75
97	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	2	24.25	3.5	27.75
98	Đàm Văn	Thực	TND025270	2	24.25	3.5	27.75
99	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	2	26.25	1.5	27.75
100	Triệu Thị	Lấy	TND013609	2	24.25	3.5	27.75
101	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	2	26.75	1.0	27.75
102	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	2	26.25	1.5	27.75
103	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	2	26.25	1.5	27.75
104	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	2	24.25	3.5	27.75
105	Bùi Thị	Thủy	LNH009166	1	24.25	3.5	27.75
106	Lương Thị	Hiếu	DCN003882	1	24.25	3.5	27.75
107	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	1	26.25	1.5	27.75
108	Hà Thị Thu	Đẹp	TND005102	1	24.25	3.5	27.75
109	Đinh Thị	Thảo	TND022868	1	24.25	3.5	27.75
110	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	2	27.00	0.5	27.50
111	Lê Thị	Duyên	THP002581	2	27.00	0.5	27.50
112	Hà Thu	Hằng	TTB002005	2	24.00	3.5	27.50
113	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	2	26.00	1.5	27.50
114	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	2	24.00	3.5	27.50
115	Phạm Thu	Phương	HDT020052	2	24.00	3.5	27.50
116	Nguyễn Thị	Phương	YTB017324	2	26.50	1.0	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Vi Thị	Vân	TND029204	2	24.00	3.5	27.50
118	Lê Quốc	Hào	TDV008777	2	26.00	1.5	27.50
119	Lương Thị	Hằng	TTB002030	2	24.00	3.5	27.50
120	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	2	26.50	1.0	27.50
121	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	2	26.00	1.5	27.50
122	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	2	26.00	1.5	27.50
123	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	2	26.00	1.5	27.50
124	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	2	26.00	1.5	27.50
125	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
126	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	2	26.00	1.5	27.50
127	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	2	24.00	3.5	27.50
128	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	2	27.00	0.5	27.50
129	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	2	27.00	0.5	27.50
130	Mã Thanh	Lâm	TND013503	2	24.00	3.5	27.50
131	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	2	24.00	3.5	27.50
132	Lê Phương	Anh	HDT000573	2	26.00	1.5	27.50
133	Lý Thái	Bảo	TND001546	2	24.00	3.5	27.50
134	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	2	26.00	1.5	27.50
135	Quan Thủy	Ngân	TQU003830	1	24.00	3.5	27.50
136	Nông Thị	Quyên	TND020825	1	24.00	3.5	27.50
137	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	1	24.00	3.5	27.50
138	Chu Thị	Duyên	TND004274	1	24.00	3.5	27.50
139	Bế Thị	Hường	TND012099	1	24.00	3.5	27.50
140	Nông Thị	Đào	TND004806	1	24.00	3.5	27.50
141	Vy Mỹ	Linh	TND014890	1	24.00	3.5	27.50
142	Nông Thị	Loan	TND015028	1	24.00	3.5	27.50
143	Hoàng Thùy	Dung	TND003697	1	24.00	3.5	27.50
144	Trần Thị	Thủy	YTB021441	1	26.50	1.0	27.50
145	Đoàn Văn	Tiếp	TQU005653	1	26.00	1.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	1	24.00	3.5	27.50
147	Hà Thị	Luyến	TQU003406	1	24.00	3.5	27.50
148	La Thị	Dung	THV002048	2	23.75	3.5	27.25
149	Phạm Thu	Hảo	THP004409	2	26.75	0.5	27.25
150	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25
151	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	2	23.75	3.5	27.25
152	Mã Thị	Thanh	SPH015271	2	23.75	3.5	27.25
153	Kim Thảo	Linh	TQU003121	2	23.75	3.5	27.25
154	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	2	26.25	1.0	27.25
155	Lê Thị	Hương	HDT012158	2	26.25	1.0	27.25
156	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25
157	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
158	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
159	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	2	25.75	1.5	27.25
160	Trần Phương	Anh	TTB000267	2	25.75	1.5	27.25
161	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
162	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	2	26.75	0.5	27.25
163	Hà Thị	Hằng	KQH004209	2	23.75	3.5	27.25
164	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	2	23.75	3.5	27.25
165	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	2	25.75	1.5	27.25
166	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	2	26.75	0.5	27.25
167	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	2	26.75	0.5	27.25
168	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	2	23.75	3.5	27.25
169	Đặng Thị	Nga	TDV020349	2	25.75	1.5	27.25
170	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	2	25.75	1.5	27.25
171	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	2	23.75	3.5	27.25
172	Lù Thị	Tâm	DCN009835	2	23.75	3.5	27.25
173	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
174	Nông Thị	Son	TND021467	2	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	2	23.75	3.5	27.25
176	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
177	Lò Thị	Quy	TND020656	1	23.75	3.5	27.25
178	Cao Thị Thu	Hoài	TND009065	1	25.75	1.5	27.25
179	Chờ Thị	Huyền	TND010935	1	23.75	3.5	27.25
180	Vũ Thị Ngọc	ánh	TND001460	1	23.75	3.5	27.25
181	Nguyễn Thùy	Linh	DHU011394	1	25.75	1.5	27.25
182	Lý Thị Bích	Nguyệt	TND018376	1	23.75	3.5	27.25
183	Trần Thị	Luyến	TND015426	1	25.75	1.5	27.25
184	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	1	24.75	2.5	27.25
185	Phùng Thị Kiều	Trinh	HDT027446	1	25.75	1.5	27.25
186	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	1	26.75	0.5	27.25
187	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	1	25.75	1.5	27.25
188	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
189	Nông Thị	Xâm	TND029728	1	23.75	3.5	27.25
190	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	1	23.75	3.5	27.25
191	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	1	23.75	3.5	27.25
192	Hoàng Phương	Anh	SPH000401	1	26.75	0.5	27.25
193	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	1	26.25	1.0	27.25
194	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	TDV007883	1	25.75	1.5	27.25
195	Hồ Văn	Trai	DHU024012	1	23.75	3.5	27.25
196	Lục Thu	Hồng	TND009756	1	23.75	3.5	27.25
197	Nguyễn Thị	Lan	TND013328	1	25.75	1.5	27.25
198	Đàm Thị	Thảo	KQH012532	1	23.75	3.5	27.25
199	Nông Thu	Hồng	TND009851	1	23.75	3.5	27.25
200	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	1	25.75	1.5	27.25
201	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	2	23.50	3.5	27.00
202	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00
203	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	2	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Đặng Hiền	Thương	TND025302	2	25.50	1.5	27.00
205	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
206	Nông Phương	Thảo	TND023241	2	23.50	3.5	27.00
207	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
208	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
209	Phạm Mai	Trang	TND026654	2	25.50	1.5	27.00
210	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	2	26.50	0.5	27.00
211	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	2	26.50	0.5	27.00
212	Triệu Thị	Mây	TND016355	2	23.50	3.5	27.00
213	Hoàng Thị	Sa	THV011215	2	25.50	1.5	27.00
214	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	2	26.00	1.0	27.00
215	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	2	25.50	1.5	27.00
216	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	2	23.50	3.5	27.00
217	Trịnh Thị	Châm	TND002122	2	23.50	3.5	27.00
218	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	2	26.00	1.0	27.00
219	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	2	26.00	1.0	27.00
220	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	2	25.50	1.5	27.00
221	Lò Đức	Giang	TTB001642	2	23.50	3.5	27.00
222	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	2	25.50	1.5	27.00
223	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	2	26.50	0.5	27.00
224	Vũ Thị	Thành	BJA011812	2	26.00	1.0	27.00
225	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	2	23.50	3.5	27.00
226	Ma Thị	ánh	TQU000275	2	23.50	3.5	27.00
227	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	2	25.50	1.5	27.00
228	Đặng Thủy	Vân	THV015105	2	23.50	3.5	27.00
229	Chấu Thị	Đẹp	KQH002942	2	23.50	3.5	27.00
230	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	2	26.50	0.5	27.00
231	Lương Thị	Vân	TND029086	2	23.50	3.5	27.00
232	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	2	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	2	25.50	1.5	27.00
234	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	2	24.50	2.5	27.00
235	Cà Thị	út	TTB007347	2	23.50	3.5	27.00
236	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	2	23.50	3.5	27.00
237	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
238	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	2	26.00	1.0	27.00
239	Lương Văn	Qui	THV010880	2	23.50	3.5	27.00
240	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	2	23.50	3.5	27.00
241	Triệu Văn	Tuyển	TND028499	2	23.50	3.5	27.00
242	Lò Thị	Thanh	TTB005671	1	23.50	3.5	27.00
243	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
244	Giàng A	Lào	TTB003340	1	23.50	3.5	27.00
245	Trần Diệu	Linh	TTB003588	1	25.50	1.5	27.00
246	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
247	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	1	26.50	0.5	27.00
248	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	1	23.50	3.5	27.00
249	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	1	23.50	3.5	27.00
250	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	TND007570	1	23.50	3.5	27.00
251	Hoàng Thu	Hương	TND011776	1	23.50	3.5	27.00
252	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	1	25.50	1.5	27.00
253	Lục Thị	Nhình	TND018730	1	23.50	3.5	27.00
254	Nguyễn Thị	Sang	THP012488	1	26.50	0.5	27.00
255	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00
256	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	1	23.50	3.5	27.00
257	Giàng Thị	Pằng	KQH010601	1	23.50	3.5	27.00
258	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	1	26.50	0.5	27.00
259	Giàng A	Nù	TTB004657	1	23.50	3.5	27.00
260	Nguyễn Thị	Hằng	TTB002038	1	25.50	1.5	27.00
261	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	TTB003869	1	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	1	23.50	3.5	27.00
263	Trần Thu	Ngân	THV009292	1	25.50	1.5	27.00
264	Châu Thị	Ninh	TQU004156	1	23.50	3.5	27.00
265	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	1	25.50	1.5	27.00
266	Trần Thị	Oanh	TDV023128	1	25.50	1.5	27.00
267	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	1	25.50	1.5	27.00
268	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	1	25.50	1.5	27.00
269	Lường Thị	Hải	TTB001865	1	23.50	3.5	27.00
270	Chu Ngọc	Diệp	TND003446	1	23.50	3.5	27.00
271	Hà Thị	Phượng	LNH007300	1	23.50	3.5	27.00
272	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
273	Đậu Thị	Sương	TDV026500	3	25.75	1.0	26.75
274	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	2	25.25	1.5	26.75
275	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
276	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	2	23.25	3.5	26.75
277	Đào Anh	Dũng	THV002162	2	25.25	1.5	26.75
278	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	2	26.25	0.5	26.75
279	Lê Thị	Phượng	HDT020198	2	25.75	1.0	26.75
280	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
281	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	2	26.25	0.5	26.75
282	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	2	25.25	1.5	26.75
283	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	2	25.75	1.0	26.75
284	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	2	23.25	3.5	26.75
285	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	2	25.25	1.5	26.75
286	Lèng Thị	Như	TQU004142	2	23.25	3.5	26.75
287	Tống Thị	Mai	HDT016152	2	25.25	1.5	26.75
288	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	2	25.25	1.5	26.75
289	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	2	25.25	1.5	26.75
290	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	2	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
292	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	2	23.25	3.5	26.75
293	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	2	23.25	3.5	26.75
294	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	2	25.25	1.5	26.75
295	Chu Thị	Thảo	TTB005838	2	23.25	3.5	26.75
296	Trương Hải	Yến	TND030159	2	23.25	3.5	26.75
297	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
298	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	2	23.25	3.5	26.75
299	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	2	23.25	3.5	26.75
300	Lê Thị	Nhung	HDT018777	2	26.25	0.5	26.75
301	Phạm Việt	Trinh	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
302	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
303	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	1	25.25	1.5	26.75
304	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	1	25.75	1.0	26.75
305	Hồ Thị	ánh	TDV001687	1	25.25	1.5	26.75
306	Màng Thị	Nhơn	TTB004558	1	23.25	3.5	26.75
307	Nguyễn Văn	Mạnh	SPH011175	1	26.25	0.5	26.75
308	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	1	24.25	2.5	26.75
309	Cao Thị Hồng	Nhung	THV009837	1	25.25	1.5	26.75
310	Nông Thị	Hạnh	SPH005412	1	24.75	2.0	26.75
311	Lê Linh	Chi	SPH002364	1	26.25	0.5	26.75
312	Lăng Thị	Hoài	TND009110	1	23.25	3.5	26.75
313	Nguyễn Như	Quỳnh	TND021137	1	25.25	1.5	26.75
314	Lương Thị Hồng	Nhung	TLA010512	1	25.75	1.0	26.75
315	Bùi Thị	Liên	LNH005108	1	23.25	3.5	26.75
316	Nguyễn Thị	Ngọc	KHA007270	1	25.75	1.0	26.75
317	Nông Thị Xuân	Hòa	TQU001968	1	23.25	3.5	26.75
318	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
319	Đàm Thị Huyền	Trần	TND026852	1	23.25	3.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Bùi Chính	Nghĩa	LNH006547	1	23.25	3.5	26.75
321	Phan Thị Phương	Thảo	TDV028344	1	25.75	1.0	26.75
322	Hà ánh	Ngọc	THV009444	1	23.25	3.5	26.75
323	Nguyễn Khánh	Linh	YTB012675	1	25.25	1.5	26.75
324	Nguyễn Việt	Hà	THP003899	1	26.25	0.5	26.75
325	Bàn Thị	Tuyền	TQU006280	1	23.25	3.5	26.75
326	Nguyễn Thành	Trung	TND027181	1	23.25	3.5	26.75
327	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	1	25.25	1.5	26.75
328	Phùng Thị	Quyên	TND020831	1	23.25	3.5	26.75
329	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	1	25.25	1.5	26.75
330	Nguyễn Quỳnh	Lâm	SPH009178	1	25.75	1.0	26.75
331	Nguyễn Thu	Trang	KQH014676	1	26.25	0.5	26.75
332	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
333	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	1	25.75	1.0	26.75
334	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	1	25.75	1.0	26.75
335	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	1	26.25	0.5	26.75
336	Vàng Thị	Cúc	THV001679	2	23.00	3.5	26.50
337	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
338	Phà Thó	Xa	THV015435	2	23.00	3.5	26.50
339	Lại Thị	Minh	DCN007378	2	25.50	1.0	26.50
340	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	2	26.00	0.5	26.50
341	Lê Thị	Dung	HDT003866	2	25.50	1.0	26.50
342	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	2	25.00	1.5	26.50
343	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	2	23.00	3.5	26.50
344	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	2	26.00	0.5	26.50
345	Lò Thị	Mừng	TTB004079	2	23.00	3.5	26.50
346	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	2	25.00	1.5	26.50
347	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
348	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Lê Đình	Đạt	HDT005241	2	23.00	3.5	26.50
350	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	2	24.50	2.0	26.50
351	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	2	25.00	1.5	26.50
352	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	2	25.50	1.0	26.50
353	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	2	25.00	1.5	26.50
354	Đặng Thị	Bảy	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
355	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	2	23.00	3.5	26.50
356	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	2	23.00	3.5	26.50
357	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	2	23.00	3.5	26.50
358	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	2	25.50	1.0	26.50
359	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	2	25.00	1.5	26.50
360	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	2	25.00	1.5	26.50
361	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	2	26.00	0.5	26.50
362	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	2	23.00	3.5	26.50
363	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
364	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
365	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	2	25.50	1.0	26.50
366	Đình Kiều	Oanh	TTB004677	2	23.00	3.5	26.50
367	Đường Thu	Quyên	TND020757	2	23.00	3.5	26.50
368	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	2	25.00	1.5	26.50
369	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	2	26.00	0.5	26.50
370	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	2	23.00	3.5	26.50
371	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	2	23.00	3.5	26.50
372	Quảng Văn	Dũng	TTB001248	2	23.00	3.5	26.50
373	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	2	26.00	0.5	26.50
374	Sâm Thị	Tuyền	TND028496	2	23.00	3.5	26.50
375	Đàm Thị	Trang	TND026077	2	23.00	3.5	26.50
376	Đỗ Mai	Hương	THP006938	2	26.00	0.5	26.50
377	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	2	26.00	0.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	2	23.00	3.5	26.50
379	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	2	23.00	3.5	26.50
380	Phạm Thị	Giang	HDT006412	2	25.50	1.0	26.50
381	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
382	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	1	25.00	1.5	26.50
383	Lò Trung	Thành	TTB005740	1	23.00	3.5	26.50
384	Phạm Tân	Trang	TTB006818	1	25.00	1.5	26.50
385	Lý Thị	Ghề	TND005756	1	23.00	3.5	26.50
386	Đào Thị	Yến	TND029935	1	25.00	1.5	26.50
387	Dương Hồng	Sơn	TND021498	1	25.00	1.5	26.50
388	Lò Thị Tố	Uyên	TTB007359	1	23.00	3.5	26.50
389	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	1	25.00	1.5	26.50
390	Giàng Thị	Giông	TTB001689	1	23.00	3.5	26.50
391	Nguyễn Thị Thu	Thúy	TND025029	1	26.00	0.5	26.50
392	Nguyễn Thị Hà	Trang	HHA014603	1	23.00	3.5	26.50
393	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	1	23.00	3.5	26.50
394	Triệu Thị Kim	Dung	SPH003113	1	25.00	1.5	26.50
395	Đặng Thị	Múi	TND016742	1	23.00	3.5	26.50
396	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	1	26.00	0.5	26.50
397	Trần Ngọc	Mai	TND016088	1	23.00	3.5	26.50
398	Lò Thị	Hà	THV003489	1	23.00	3.5	26.50
399	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	1	23.00	3.5	26.50
400	Tạ Minh	Loan	THV007904	1	25.00	1.5	26.50
401	Doãn Thị Thu	Hường	KQH006833	1	26.00	0.5	26.50
402	Vũ Lê	Hà	LNH002602	1	25.00	1.5	26.50
403	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	1	23.00	3.5	26.50
404	Lương Thảo	Phương	TND019873	1	23.00	3.5	26.50
405	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	1	25.00	1.5	26.50
406	Nguyễn Thị Hà	Trang	LNH009779	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 15

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005427	1	23.00	3.5	26.50
408	Triệu Thị	Thịnh	TQU005280	1	23.00	3.5	26.50
409	Phạm Thị	Hương	THP007127	1	26.00	0.5	26.50
410	Trần Thị Phương	Hoa	LNH003464	1	25.00	1.5	26.50
411	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	1	25.00	1.5	26.50
412	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	1	23.00	3.5	26.50
413	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
414	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	SPH014470	1	26.00	0.5	26.50
415	Vũ Thanh	Bình	KQH001152	1	26.00	0.5	26.50
416	Sáng Thị	Chính	TQU000537	1	23.00	3.5	26.50
417	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	1	23.00	3.5	26.50
418	Lường Thị	Thanh	TTB005681	1	23.00	3.5	26.50
419	Ngọ Thị Kim	Oanh	HDT019240	1	25.50	1.0	26.50
420	Lã Văn	Băng	DCN000946	1	25.50	1.0	26.50
421	Nông Thị	Hằng	TND007466	1	23.00	3.5	26.50
422	Âu Thị	Sen	TQU004680	1	23.00	3.5	26.50
423	Nguyễn Minh	Huyền	LNH004226	1	25.00	1.5	26.50
424	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
425	Trần Thị	Hằng	HHA004440	1	23.00	3.5	26.50
426	Hoàng Thị	Lành	TND013442	1	23.00	3.5	26.50
427	Lê Phương	Hiền	HVN003374	1	24.00	2.5	26.50
428	Lý A	Chớ	TTB000675	1	23.00	3.5	26.50
429	Pờ Mé	Nu	TTB004653	1	23.00	3.5	26.50
430	Đàm Thị	Kiều	TND013050	1	23.00	3.5	26.50
431	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	1	25.00	1.5	26.50
432	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	1	25.50	1.0	26.50
433	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	1	23.00	3.5	26.50
434	Thào A	Pó	TTB004987	1	23.00	3.5	26.50
435	Nông Thị Vân	Hoa	TND008828	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Nguyễn Nhật	Linh	SPH009836	1	26.00	0.5	26.50
437	Hà Thị	Bình	LNH000821	1	23.00	3.5	26.50
438	Phạm Thị	Loan	YTB013323	3	25.25	1.0	26.25
439	Lê Thị	Thúy	HHA013877	2	25.75	0.5	26.25
440	Lê Thúy	Nga	DHU013914	2	25.75	0.5	26.25
441	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	2	25.25	1.0	26.25
442	Lương ý	Dung	KQH002046	2	22.75	3.5	26.25
443	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	2	24.75	1.5	26.25
444	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	2	24.75	1.5	26.25
445	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
446	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	2	22.75	3.5	26.25
447	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	2	24.75	1.5	26.25
448	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	2	24.75	1.5	26.25
449	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	2	25.25	1.0	26.25
450	Phạm Văn	Thảo	TND023293	2	24.75	1.5	26.25
451	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	2	25.75	0.5	26.25
452	Hà Đình	Công	THV001592	2	22.75	3.5	26.25
453	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	2	25.25	1.0	26.25
454	Đình Thị	Hường	LNH004614	2	22.75	3.5	26.25
455	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	2	24.75	1.5	26.25
456	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	2	25.25	1.0	26.25
457	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	2	23.25	3.0	26.25
458	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	2	24.75	1.5	26.25
459	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	2	22.75	3.5	26.25
460	Lương Thị	Bình	HDT002193	2	22.75	3.5	26.25
461	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	2	25.75	0.5	26.25
462	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	2	24.75	1.5	26.25
463	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	2	24.75	1.5	26.25
464	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	2	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
466	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25
467	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
468	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
469	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	2	22.75	3.5	26.25
470	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	2	25.75	0.5	26.25
471	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	2	24.75	1.5	26.25
472	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	2	22.75	3.5	26.25
473	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	2	24.75	1.5	26.25
474	Vi Thị	Thuyết	THV013199	2	22.75	3.5	26.25
475	Đinh Thị Trang	Nhung	TDV022297	2	25.75	0.5	26.25
476	Vũ Thị	Hiền	THV004397	2	22.75	3.5	26.25
477	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	2	22.75	3.5	26.25
478	Lê Thị	Hiền	TDV009806	2	24.75	1.5	26.25
479	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	2	24.75	1.5	26.25
480	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	2	24.75	1.5	26.25
481	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	2	25.75	0.5	26.25
482	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	2	25.75	0.5	26.25
483	Phan Thị	Thương	TDV031159	2	24.75	1.5	26.25
484	Lù Thị	Trang	THV013768	2	22.75	3.5	26.25
485	Đồng Mai	Phượng	TND019770	2	22.75	3.5	26.25
486	Hoàng Thị Mai	Liều	TND013933	2	22.75	3.5	26.25
487	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	2	25.75	0.5	26.25
488	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	2	25.25	1.0	26.25
489	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	2	24.75	1.5	26.25
490	Lã Thị	Thanh	TQU004948	2	24.75	1.5	26.25
491	Lê Thị	Hà	HDT006658	2	25.25	1.0	26.25
492	Lê Thị Hồng	Hạnh	TTB001925	1	24.75	1.5	26.25
493	Nguyễn Thị Lan	Hương	SPH008370	1	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 18

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	1	24.75	1.5	26.25
495	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	1	25.75	0.5	26.25
496	Dương Thị Hồng	Nhung	SPH013023	1	25.75	0.5	26.25
497	Trương Thị ánh	Tuyết	HDT029143	1	22.75	3.5	26.25
498	Nông Thị	Nguyệt	TQU004013	1	22.75	3.5	26.25
499	Cao Thị	Giang	SPH004446	1	25.75	0.5	26.25
500	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25
501	Nguyễn Ngân	Hồng	TQU002144	1	22.75	3.5	26.25
502	Phạm Thị Minh	Loan	TDV017587	1	25.25	1.0	26.25
503	Phạm Thị	Hạnh	HDT007593	1	24.75	1.5	26.25
504	Triệu Thùy	Linh	TND014764	1	22.75	3.5	26.25
505	Phạm Thị	ánh	TDV001877	1	24.75	1.5	26.25
506	Nông Thị	Mến	TQU003587	1	22.75	3.5	26.25
507	Vương Quốc	Nam	THP009905	1	25.25	1.0	26.25
508	Lương Thị	Yến	TND030011	1	22.75	3.5	26.25
509	Nguyễn Thị Thanh	Hải	TND006710	1	24.75	1.5	26.25
510	Trịnh Thị Thùy	Dung	HDT004087	1	25.25	1.0	26.25
511	Hoàng Thị	Phấn	TND019451	1	22.75	3.5	26.25
512	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	1	22.75	3.5	26.25
513	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	1	25.25	1.0	26.25
514	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	TND002165	1	25.75	0.5	26.25
515	Trần Thị Thanh	Bình	KQH001148	1	25.25	1.0	26.25
516	Thào A	Chứ	TTB000795	1	22.75	3.5	26.25
517	Hà Thị	Quỳnh	TND021038	1	22.75	3.5	26.25
518	Dương Thị Bích	Phượng	THV010603	1	24.75	1.5	26.25
519	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
520	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	1	24.75	1.5	26.25
521	Hà Thị Kim	Liên	HDT013607	1	22.75	3.5	26.25
522	Bùi Thị	Thơm	TDV029641	1	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
524	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	1	25.25	1.0	26.25
525	Nông Thị Thiên	Trang	TND026627	1	22.75	3.5	26.25
526	Nguyễn Thị	Giang	TDV007288	1	24.75	1.5	26.25
527	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	1	24.75	1.5	26.25
528	Lương Thị Huyền	Trang	DCN011740	1	22.75	3.5	26.25
529	Nông Thị	Thơm	TQU005337	1	22.75	3.5	26.25
530	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	1	25.75	0.5	26.25
531	Vừ Seo	Hòa	THV004876	1	22.75	3.5	26.25
532	Bùi Thị	Phượng	TND019724	1	22.75	3.5	26.25
533	Hoàng Thị	Len	TND013612	1	22.75	3.5	26.25
534	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	1	25.75	0.5	26.25
535	Hoàng Thị	Sen	TND021390	1	22.75	3.5	26.25
536	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	1	25.75	0.5	26.25
537	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
538	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	2	24.50	1.5	26.00
539	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00
540	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	2	24.50	1.5	26.00
541	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	2	23.50	2.5	26.00
542	Phạm Thị	Linh	KQH008053	2	25.50	0.5	26.00
543	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	2	22.50	3.5	26.00
544	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	2	24.50	1.5	26.00
545	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
546	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
547	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	2	24.50	1.5	26.00
548	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	2	22.50	3.5	26.00
549	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	2	22.50	3.5	26.00
550	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	2	25.00	1.0	26.00
551	Bùi Thị	Mến	HDT016401	2	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 20

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
553	Chu Thị	Hương	TDV014213	2	24.50	1.5	26.00
554	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	2	25.00	1.0	26.00
555	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	2	22.50	3.5	26.00
556	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	2	22.50	3.5	26.00
557	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	2	22.50	3.5	26.00
558	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	2	24.50	1.5	26.00
559	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	2	24.50	1.5	26.00
560	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	2	24.50	1.5	26.00
561	Trần Thị	Trang	TDV033109	2	24.50	1.5	26.00
562	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	2	24.50	1.5	26.00
563	Lê Thị	Loan	HDT015087	2	24.50	1.5	26.00
564	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	2	25.00	1.0	26.00
565	Đặng Thị	Thành	TDV027630	2	24.50	1.5	26.00
566	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00
567	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	2	24.50	1.5	26.00
568	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	2	24.50	1.5	26.00
569	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	2	22.50	3.5	26.00
570	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	2	22.50	3.5	26.00
571	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	2	25.50	0.5	26.00
572	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	2	25.00	1.0	26.00
573	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	2	25.50	0.5	26.00
574	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	2	22.50	3.5	26.00
575	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
576	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	2	25.00	1.0	26.00
577	Đào Thùy	Trang	TQU005766	2	24.50	1.5	26.00
578	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
579	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
580	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	2	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	2	22.50	3.5	26.00
582	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	2	25.00	1.0	26.00
583	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	2	25.00	1.0	26.00
584	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	2	24.50	1.5	26.00
585	Dương Thị	Dung	SPH002980	2	25.50	0.5	26.00
586	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	2	24.50	1.5	26.00
587	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
588	Nguyễn Thị Thu	Trang	SPH017627	1	25.00	1.0	26.00
589	Phạm Thị ánh	Nhật	HDT018536	1	24.50	1.5	26.00
590	Trần Thị	Anh	THP000856	1	25.00	1.0	26.00
591	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
592	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	1	24.50	1.5	26.00
593	Lê Thị	Thư	THV013212	1	22.50	3.5	26.00
594	Hoàng Thị Linh	Chi	TND002230	1	22.50	3.5	26.00
595	Ngô Thu	Hiền	TQU001718	1	24.50	1.5	26.00
596	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	1	25.00	1.0	26.00
597	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	1	24.50	1.5	26.00
598	Diệp Thị	Thiện	SPH016090	1	22.50	3.5	26.00
599	Lê Thị Mai	Hương	DQN009066	1	24.50	1.5	26.00
600	Vi Thu	Hiền	TND008043	1	22.50	3.5	26.00
601	Hoàng Thị Thu	Hiền	TND007830	1	22.50	3.5	26.00
602	Nguyễn Thu	Quỳnh	TND021203	1	24.50	1.5	26.00
603	Trần Minh	Quang	THV010774	1	24.50	1.5	26.00
604	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	1	24.50	1.5	26.00
605	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	1	22.50	3.5	26.00
606	Đỗ Thu	Nga	HHA009697	1	24.50	1.5	26.00
607	Tòng Thị	Thu	THV012859	1	22.50	3.5	26.00
608	Trần Lan	Hương	YTB010877	1	25.50	0.5	26.00
609	Mạc Thị	Hiển	TND008102	1	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 22

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Đào Thị	Yến	KQH016529	1	25.00	1.0	26.00
611	Trần Thị	Quyên	TQU004555	1	24.50	1.5	26.00
612	Phạm Thị	Loan	TDV017581	1	24.50	1.5	26.00
613	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00
614	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
615	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	1	25.00	1.0	26.00
616	Hoàng Thị	Loan	TND014960	1	25.00	1.0	26.00
617	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	1	25.00	1.0	26.00
618	Vũ Thị Yến	Nhi	THP010824	1	25.50	0.5	26.00
619	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010122	1	25.50	0.5	26.00
620	Trần Hương	Giang	TND006025	1	24.50	1.5	26.00
621	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	1	25.50	0.5	26.00
622	Phùng Thị	Quý	THV010911	1	22.50	3.5	26.00
623	Vàng Thị	ánh	TTB000324	1	22.50	3.5	26.00
624	Mai Huệ	An	HDT000054	1	25.00	1.0	26.00
625	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	1	24.50	1.5	26.00
626	Xin Thị	Liên	TQU003047	1	22.50	3.5	26.00
627	Sùng A	Pênh	TTB004732	1	22.50	3.5	26.00
628	Nguyễn Thị	Huệ	TND010236	1	22.50	3.5	26.00
629	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
630	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	1	24.50	1.5	26.00
631	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	1	24.50	1.5	26.00
632	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	1	22.50	3.5	26.00
633	Phạm Hồng	Nhung	TND019005	1	24.50	1.5	26.00
634	Nguyễn Thị Thu	Hương	YTB010788	1	25.00	1.0	26.00
635	Lộc Thị	Sao	TND021362	1	22.50	3.5	26.00
636	Y Hoàng	Miô	TTN006948	1	22.50	3.5	26.00
637	Nông Văn	Nam	TTB004168	1	22.50	3.5	26.00
638	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	1	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	1	25.50	0.5	26.00
640	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	1	24.50	1.5	26.00
641	Bùi Thị Hoài	My	LNH006223	1	22.50	3.5	26.00
642	Bàn Thị	Hường	TND012100	1	22.50	3.5	26.00
643	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	1	24.50	1.5	26.00
644	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	LNH002792	1	24.50	1.5	26.00
645	Trần Thị	Nga	HDT017531	1	25.00	1.0	26.00
646	Dương Thị	Huyền	TQU002411	1	22.50	3.5	26.00
647	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	2	24.25	1.5	25.75
648	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	2	24.25	1.5	25.75
649	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	2	24.25	1.5	25.75
650	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75
651	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	2	24.25	1.5	25.75
652	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	2	24.75	1.0	25.75
653	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	2	25.25	0.5	25.75
654	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	2	22.25	3.5	25.75
655	Phạm Mai	Linh	THP008476	2	25.25	0.5	25.75
656	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	2	24.25	1.5	25.75
657	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	2	24.25	1.5	25.75
658	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	2	22.25	3.5	25.75
659	Hoàng Thị	Phượng	SPH013614	2	25.25	0.5	25.75
660	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	2	22.25	3.5	25.75
661	Trần Thị	Giang	TDV007480	2	25.25	0.5	25.75
662	Triệu Anh	Quân	TQU004502	2	22.25	3.5	25.75
663	Lê Thị	Nhung	HDT018789	2	24.75	1.0	25.75
664	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	2	25.25	0.5	25.75
665	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	2	22.25	3.5	25.75
666	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	2	25.75		25.75
667	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	2	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 24

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	2	24.75	1.0	25.75
669	Trần Thị Trà	My	LNH006246	2	24.25	1.5	25.75
670	Lương Đình	Hùng	TND010463	2	22.25	3.5	25.75
671	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	2	22.25	3.5	25.75
672	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	2	24.75	1.0	25.75
673	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	2	24.75	1.0	25.75
674	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	2	24.25	1.5	25.75
675	Lâm Thị	Trang	TND026235	2	22.25	3.5	25.75
676	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	2	25.25	0.5	25.75
677	Chu Minh	Trang	DCN011617	2	25.25	0.5	25.75
678	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	2	24.25	1.5	25.75
679	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
680	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	2	25.25	0.5	25.75
681	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	2	24.25	1.5	25.75
682	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	2	22.25	3.5	25.75
683	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	2	25.25	0.5	25.75
684	Nguyễn Thị	Phương	HHA011196	2	25.25	0.5	25.75
685	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
686	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	2	24.25	1.5	25.75
687	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	2	22.25	3.5	25.75
688	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	2	22.25	3.5	25.75
689	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	2	22.25	3.5	25.75
690	Hà Hoàng	Mai	TND015906	2	22.25	3.5	25.75
691	Nguyễn Thị	Hương	TDV014416	1	24.75	1.0	25.75
692	Hà Thị Kim	Chanh	TND002080	1	24.25	1.5	25.75
693	Nông Thị Thu	Hoài	TND009186	1	22.25	3.5	25.75
694	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	1	25.25	0.5	25.75
695	Nguyễn Thị	Nhung	TDV022491	1	24.25	1.5	25.75
696	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	1	24.75	1.0	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	1	25.25	0.5	25.75
698	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
699	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	1	25.25	0.5	25.75
700	Hà Thị	Dung	TND003674	1	22.25	3.5	25.75
701	Hà Quốc	Chuyên	TND002750	1	22.25	3.5	25.75
702	Lê Đức	Chung	THP001700	1	24.25	1.5	25.75
703	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	1	24.25	1.5	25.75
704	Nông Trường	Giang	THV003334	1	22.25	3.5	25.75
705	Nguyễn Khánh	Linh	SPH009786	1	25.25	0.5	25.75
706	Vi Thị	Thuận	HDT024661	1	22.25	3.5	25.75
707	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	1	22.25	3.5	25.75
708	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
709	Đặng Thị	Thủy	TQU005452	1	22.25	3.5	25.75
710	Lê Thị	Hạnh	HDT007508	1	24.75	1.0	25.75
711	Vàng Quảng	Dín	THV001959	1	22.25	3.5	25.75
712	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	1	24.75	1.0	25.75
713	Lê Ngọc	Linh	TND014252	1	24.25	1.5	25.75
714	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	1	24.25	1.5	25.75
715	Hoàng Thị Bình	Minh	TND016493	1	22.25	3.5	25.75
716	Triệu Thị	Viên	TND029263	1	22.25	3.5	25.75
717	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	1	22.25	3.5	25.75
718	Phạm Thị Huyền	Trang	THV013954	1	24.25	1.5	25.75
719	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	1	22.25	3.5	25.75
720	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	1	22.25	3.5	25.75
721	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	1	24.75	1.0	25.75
722	Tạ Đức	Hiếu	HDT009046	1	25.25	0.5	25.75
723	Đào Thị Hồng	Nhung	HDT018664	1	25.25	0.5	25.75
724	Hoàng Thảo	Linh	SPH009554	1	24.25	1.5	25.75
725	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	3	22.00	3.5	25.50
727	Đào Khánh	Dương	TTB001330	2	24.00	1.5	25.50
728	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	2	22.00	3.5	25.50
729	Lò Văn	Thêm	TTB006079	2	22.00	3.5	25.50
730	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	2	24.50	1.0	25.50
731	Từ Thị	Lý	TDV018537	2	24.00	1.5	25.50
732	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	2	24.00	1.5	25.50
733	Vi Thị	Hồng	TND009891	2	22.00	3.5	25.50
734	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	2	22.00	3.5	25.50
735	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	2	24.00	1.5	25.50
736	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	2	24.50	1.0	25.50
737	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	2	22.00	3.5	25.50
738	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	2	25.00	0.5	25.50
739	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	2	24.50	1.0	25.50
740	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	2	22.00	3.5	25.50
741	Lê Thị	Như	TDV022628	2	24.00	1.5	25.50
742	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	2	22.00	3.5	25.50
743	Hà Thị	Hồng	HDT010045	2	24.50	1.0	25.50
744	Hứa Thị	Kiều	TND013056	2	22.00	3.5	25.50
745	Cao Xuân	Hiền	THV004247	2	22.00	3.5	25.50
746	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	2	25.00	0.5	25.50
747	Chế Thị	Nhung	TDV022280	2	25.00	0.5	25.50
748	Nông Thị	Phượng	TND020262	2	22.00	3.5	25.50
749	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	2	24.50	1.0	25.50
750	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	2	25.00	0.5	25.50
751	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
752	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	2	24.00	1.5	25.50
753	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	2	25.00	0.5	25.50
754	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	2	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Lê Thị	Loan	HDT015081	2	24.00	1.5	25.50
756	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	2	23.00	2.5	25.50
757	Trần Thị	Huyền	TND011376	2	22.00	3.5	25.50
758	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	2	25.00	0.5	25.50
759	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	2	22.00	3.5	25.50
760	Phượng Thị	Hảo	TND007201	2	22.00	3.5	25.50
761	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	2	23.00	2.5	25.50
762	Tần Thị	Thảo	THV012338	2	22.00	3.5	25.50
763	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	2	24.00	1.5	25.50
764	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	2	22.00	3.5	25.50
765	Nguyễn Thị Minh	Phượng	TND019948	1	25.00	0.5	25.50
766	Mào Thị	Duyên	TTB001294	1	22.00	3.5	25.50
767	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	YTB018085	1	24.50	1.0	25.50
768	Lý Ngọc	Linh	TND014313	1	22.00	3.5	25.50
769	Quan Ngọc	Linh	TND014718	1	22.00	3.5	25.50
770	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	1	24.00	1.5	25.50
771	Quàng Thị	Kim	TTB003246	1	22.00	3.5	25.50
772	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KQH012829	1	25.00	0.5	25.50
773	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	1	25.00	0.5	25.50
774	Lưu Thị	Phượng	TDV023882	1	24.00	1.5	25.50
775	Ngô Thị Lan	Nhi	HVN007734	1	24.50	1.0	25.50
776	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	1	25.00	0.5	25.50
777	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	1	22.00	3.5	25.50
778	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
779	Nguyễn Thị	Hoa	YTB008243	1	24.50	1.0	25.50
780	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	YTB006647	1	24.00	1.5	25.50
781	Nguyễn Ngọc	Tú	TND027531	1	22.00	3.5	25.50
782	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	1	25.00	0.5	25.50
783	Hoàng Văn	Tuấn	TQU006108	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Lý Thị	Nường	TND019243	1	22.00	3.5	25.50
785	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	1	22.00	3.5	25.50
786	Lò Thị	Hiển	TTB002134	1	22.00	3.5	25.50
787	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	1	25.00	0.5	25.50
788	Lê Thu	Hà	TTB001744	1	24.00	1.5	25.50
789	Nguyễn Thị Thu	Phương	SPH013788	1	24.00	1.5	25.50
790	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50
791	Vũ Thị Hồng	Ngát	BJA009239	1	24.50	1.0	25.50
792	Lương Hoài	Thu	THV012812	1	23.00	2.5	25.50
793	Sái Kiều	Liên	TND013898	2	21.75	3.5	25.25
794	Đinh Thị	Hảo	TND007146	2	21.75	3.5	25.25
795	Mai Đình	Thành	HDT022834	2	24.25	1.0	25.25
796	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	2	21.75	3.5	25.25
797	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
798	Ma Thị	Huế	TND010086	2	21.75	3.5	25.25
799	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	2	21.75	3.5	25.25
800	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	2	23.25	2.0	25.25
801	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	2	24.25	1.0	25.25
802	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	2	24.25	1.0	25.25
803	Hoàng Thị	Liên	TND013846	2	21.75	3.5	25.25
804	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25
805	Mai Thị	Trang	HDT026674	2	24.25	1.0	25.25
806	Nông Thị	Tuyết	THV014933	2	21.75	3.5	25.25
807	Dương Thị	Lương	TND015496	2	24.25	1.0	25.25
808	Ngô Thị	Đào	HDT005142	2	24.25	1.0	25.25
809	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	2	23.75	1.5	25.25
810	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	2	24.25	1.0	25.25
811	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25
812	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	2	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	2	24.25	1.0	25.25
814	Ma Hoài	Thương	TND025339	2	21.75	3.5	25.25
815	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	2	21.75	3.5	25.25
816	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
817	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	2	21.75	3.5	25.25
818	Hà Thị	Hoa	LNH003408	2	21.75	3.5	25.25
819	Hà Văn	Long	HDT015212	2	21.75	3.5	25.25
820	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	2	21.75	3.5	25.25
821	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	2	24.75	0.5	25.25
822	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	2	23.75	1.5	25.25
823	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	1	21.75	3.5	25.25
824	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	1	24.75	0.5	25.25
825	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	1	24.25	1.0	25.25
826	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	1	21.75	3.5	25.25
827	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	1	24.75	0.5	25.25
828	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
829	Cứ A	Chớ	TTB000672	1	21.75	3.5	25.25
830	Cấn Thị	Huyền	DCN004875	1	24.75	0.5	25.25
831	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	1	24.75	0.5	25.25
832	Nguyễn Thị Trà	My	TDV019605	1	24.75	0.5	25.25
833	Giàng A	Phong	TTB004767	1	21.75	3.5	25.25
834	Nguyễn Minh	Thương	TLA013559	1	24.25	1.0	25.25
835	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	1	21.75	3.5	25.25
836	Hứa Thị	Tươi	TND028723	1	21.75	3.5	25.25
837	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	1	23.75	1.5	25.25
838	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	1	21.75	3.5	25.25
839	Trần Thị	Thơ	TDV029629	1	24.25	1.0	25.25
840	Vũ Văn	Linh	KQH008144	1	24.75	0.5	25.25
841	Ngân Thu	Huyền	TTB002818	1	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 30

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Bùi Thị	Thắm	LNH008646	1	21.75	3.5	25.25
843	Đỗ Thị	Linh	TND014063	1	23.75	1.5	25.25
844	Nguyễn Bá Minh	Tú	THV014386	1	23.75	1.5	25.25
845	Phan Thị	Nga	HDT017490	1	23.75	1.5	25.25
846	Đinh Thị	Vân	HHA016046	1	23.75	1.5	25.25
847	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	1	24.25	1.0	25.25
848	Điêu Thị	Quỳnh	THV011039	1	21.75	3.5	25.25
849	Lưu Thị Thuỳ	Trang	TND026328	1	21.75	3.5	25.25
850	Luân Thị	Thùy	TND024692	1	21.75	3.5	25.25
851	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
852	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	2	23.50	1.5	25.00
853	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	2	23.50	1.5	25.00
854	Hoàng Văn	Hưởng	DCN005558	2	21.50	3.5	25.00
855	Giàng A	Sênh	THV011312	2	21.50	3.5	25.00
856	Hoàng Thị	Vân	TND029059	2	21.50	3.5	25.00
857	Lộc Thị	Lệ	TND013691	2	21.50	3.5	25.00
858	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	2	24.00	1.0	25.00
859	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	2	21.50	3.5	25.00
860	Mai Thị	Thảo	HDT023246	2	24.00	1.0	25.00
861	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	2	23.50	1.5	25.00
862	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	2	23.50	1.5	25.00
863	Nông Thu	Hà	TND006410	2	21.50	3.5	25.00
864	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	2	24.50	0.5	25.00
865	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	2	23.50	1.5	25.00
866	Lê Thị	Dung	HDT003850	2	24.00	1.0	25.00
867	Trần Thị	Kiều	HDT013015	2	23.50	1.5	25.00
868	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	2	23.50	1.5	25.00
869	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	2	24.50	0.5	25.00
870	Lê Thị	Huyền	HDT011361	2	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Đào Thị	Hà	TDV007591	2	23.50	1.5	25.00
872	Vũ Thị	Dương	THP002855	2	24.50	0.5	25.00
873	Phạm Thị	Linh	HDT014743	2	24.00	1.0	25.00
874	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	1	21.50	3.5	25.00
875	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012538	1	24.50	0.5	25.00
876	Vũ Thị Hồng	Hạnh	TND007096	1	24.50	0.5	25.00
877	Nông Thị	Hợp	TND009923	1	21.50	3.5	25.00
878	Cà Thị	Quyên	TTB005106	1	21.50	3.5	25.00
879	Lò Thị	Hương	TTB002956	1	21.50	3.5	25.00
880	Phùng Thị	Mai	TND016070	1	21.50	3.5	25.00
881	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	1	21.50	3.5	25.00
882	Ngô Thị	Huyền	SPH007796	1	24.50	0.5	25.00
883	Lê Tiến	Thành	TND022612	1	24.50	0.5	25.00
884	Triệu Thị	Ngát	TND017510	1	21.50	3.5	25.00
885	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	1	23.50	1.5	25.00
886	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	1	24.50	0.5	25.00
887	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	1	21.50	3.5	25.00
888	Nông Thị	Gấm	TND005751	1	21.50	3.5	25.00
889	Ma ánh	Tuyết	TQU006316	1	21.50	3.5	25.00
890	Mùa A	Seng	TND021407	1	21.50	3.5	25.00
891	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00
892	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	1	24.50	0.5	25.00
893	Triệu Thị	Trang	TQU005901	1	21.50	3.5	25.00
894	Ngọc Khánh	Chung	TQU000561	1	21.50	3.5	25.00
895	Lê Thị Thu	Thủy	HDT024911	1	24.00	1.0	25.00
896	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	1	21.50	3.5	25.00
897	Phan Thị	Trình	TTB006890	1	23.50	1.5	25.00
898	Bùi Kim	Lũy	TLA008669	1	24.50	0.5	25.00
899	Nguyễn Thị	Hạc	TND006551	1	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	1	21.50	3.5	25.00
901	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	1	24.00	1.0	25.00
902	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	1	23.50	1.5	25.00
903	Nguyễn Vũ Thiều	Hoa	THP005353	1	24.50	0.5	25.00
904	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
905	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	2	23.75	1.0	24.75
906	Nguyễn Thị	Hiếu	TDV010525	2	23.75	1.0	24.75
907	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	2	23.25	1.5	24.75
908	Liêng Thị	Mai	THV008399	2	21.25	3.5	24.75
909	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	2	23.75	1.0	24.75
910	Quách Xương	Trang	HDT027109	2	21.25	3.5	24.75
911	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	2	23.75	1.0	24.75
912	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	2	23.25	1.5	24.75
913	Lò Thạc	Khuê	THV006689	2	21.25	3.5	24.75
914	Chu Khánh	Huyền	TND010989	2	21.25	3.5	24.75
915	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	2	23.75	1.0	24.75
916	Phạm Thị	Giang	HDT006422	2	23.25	1.5	24.75
917	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	2	23.25	1.5	24.75
918	Đinh Minh	Đức	KQH003135	2	24.25	0.5	24.75
919	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	2	21.25	3.5	24.75
920	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	2	23.75	1.0	24.75
921	Nông Quốc	Cường	TND003259	2	21.25	3.5	24.75
922	Lý Thị	Hạnh	TND006945	2	21.25	3.5	24.75
923	Cao Thị	Trang	SPH017281	2	23.75	1.0	24.75
924	Bế Thị	Định	TND005206	2	21.25	3.5	24.75
925	Bùi Thị	Dung	HDT003743	2	23.75	1.0	24.75
926	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	2	21.25	3.5	24.75
927	Kiều Thu	Hiền	TLA004792	1	24.25	0.5	24.75
928	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Nông Thị	Ngân	TND017616	1	21.25	3.5	24.75
930	Nguyễn Thị	Liên	HDT013651	1	23.75	1.0	24.75
931	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	1	24.25	0.5	24.75
932	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	1	21.25	3.5	24.75
933	Trần Thị Vân	Anh	TND001122	1	24.25	0.5	24.75
934	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	1	21.25	3.5	24.75
935	Dương Thanh	Nhiệm	TND018724	1	21.25	3.5	24.75
936	Lý Mùi	Chuồng	TND002712	1	21.25	3.5	24.75
937	Tăng Thị	Chang	THP001430	1	23.75	1.0	24.75
938	Trần Thị	Phượng	HHA011396	1	21.25	3.5	24.75
939	Bùi Thị	Lợi	LNH005694	1	21.25	3.5	24.75
940	Hà Thị	Chinh	HDT002718	1	23.25	1.5	24.75
941	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	1	23.75	1.0	24.75
942	Hà Văn	Thắm	HDT023531	1	21.25	3.5	24.75
943	Hoàng Thị	Dung	TND003690	1	21.25	3.5	24.75
944	Đỗ Phương	Anh	TND000180	1	23.25	1.5	24.75
945	Nguyễn Thị	Đoan	TLA003464	1	24.25	0.5	24.75
946	Đinh Thị Như	Quỳnh	THV011045	1	21.25	3.5	24.75
947	Bùi Thị	Hoài	HDT009534	1	23.75	1.0	24.75
948	Lý Thị	Thanh	TND022460	1	21.25	3.5	24.75
949	Hoàng Thị	Lan	TND013263	1	21.25	3.5	24.75
950	Hà Thị	Nga	TND017303	1	21.25	3.5	24.75
951	Nông Thị	Tinh	TND025686	1	21.25	3.5	24.75
952	Đào Quang	Anh	TLA000247	1	24.75		24.75
953	Đinh Thị	Dự	TQU001020	1	21.25	3.5	24.75
954	Từ Thị	Tuyển	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
955	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	1	23.75	1.0	24.75
956	Phan Thị	Hoài	TDV011412	1	23.75	1.0	24.75
957	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	1	23.75	1.0	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
959	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	1	24.25	0.5	24.75
960	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
961	Hoàng Mạnh	Thưởng	THV013330	1	23.25	1.5	24.75
962	Phùng Thị	Phượng	TND020269	1	21.25	3.5	24.75
963	Hoàng Thị	Hoan	TND009238	1	21.25	3.5	24.75
964	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	1	23.25	1.5	24.75
965	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	2	24.00	0.5	24.50
966	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	2	24.00	0.5	24.50
967	Trần Thị	Hiền	THP004893	2	23.50	1.0	24.50
968	Trương Thành	Đức	BJA003356	2	24.00	0.5	24.50
969	Đào Thị	Thúy	TND024976	2	23.00	1.5	24.50
970	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	2	24.50		24.50
971	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50
972	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	2	23.00	1.5	24.50
973	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	2	22.50	2.0	24.50
974	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	2	23.00	1.5	24.50
975	Ngô Thị Lan	Phương	DHU017849	2	24.00	0.5	24.50
976	Trương Thị	Hoa	HDT009348	2	23.50	1.0	24.50
977	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	2	23.00	1.5	24.50
978	Lương Thị	Thắm	TTB005973	2	21.00	3.5	24.50
979	Lò Thị	Lan	TTB003310	2	21.00	3.5	24.50
980	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	2	23.00	1.5	24.50
981	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	2	21.00	3.5	24.50
982	Chu Thị	Chiều	TND002443	2	21.00	3.5	24.50
983	Nguyễn Thị	Tuân	TQU006088	2	21.00	3.5	24.50
984	Trần Thái	Bảo	SPH001971	2	24.50		24.50
985	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010107	2	24.00	0.5	24.50
986	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	2	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Lương Thị	Linh	HDT014285	2	23.00	1.5	24.50
988	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	2	23.00	1.5	24.50
989	Lương Kim	Hoàn	TND009285	2	21.00	3.5	24.50
990	Hà Thị	Phương	TTB004860	2	21.00	3.5	24.50
991	Đặng Hà	Dụng	TQU001033	1	21.00	3.5	24.50
992	Nguyễn Thị Hà	Trang	DCN011779	1	21.00	3.5	24.50
993	Hà Thị Hoài	Hiên	THV004233	1	21.00	3.5	24.50
994	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	1	23.50	1.0	24.50
995	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	1	21.00	3.5	24.50
996	Hoàng Kim	Phú	TND019597	1	21.00	3.5	24.50
997	Lò Thị	Thần	TTB006066	1	21.00	3.5	24.50
998	Hứa Hoàng	Vinh	TND029381	1	21.00	3.5	24.50
999	Lò Thị	Thanh	TTB005665	1	21.00	3.5	24.50
1000	Trần Tú	Trình	SPK014572	1	23.00	1.5	24.50
1001	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
1002	Điêu Thị	Vân	TTB007425	1	21.00	3.5	24.50
1003	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	1	21.00	3.5	24.50
1004	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	1	21.00	3.5	24.50
1005	Lý Thị	Ghến	THV003174	1	21.00	3.5	24.50
1006	Nguyễn Thị	Yến	TDV037020	1	23.50	1.0	24.50
1007	Dương Phước	Sang	SPH014607	1	24.00	0.5	24.50
1008	Đào Huyền	My	TND016779	1	24.00	0.5	24.50
1009	Giàng Văn	Tư	TQU006328	1	21.00	3.5	24.50
1010	Trần Thị	Hoài	HDT009635	1	21.00	3.5	24.50
1011	Pờ Gia	Pớ	TTB004995	1	21.00	3.5	24.50
1012	Lường Thị	Huế	TTB002618	1	21.00	3.5	24.50
1013	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	1	21.00	3.5	24.50
1014	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
1015	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	1	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Giàng Thị	Và	TND028973	1	21.00	3.5	24.50
1017	Đào Thị	Mỹ	TND016909	1	21.00	3.5	24.50
1018	Ma Thị	Hà	THV003498	1	21.00	3.5	24.50
1019	Chầu Thị	Ly	TQU003450	1	21.00	3.5	24.50
1020	Đặng Thị Huyền	Trang	TQU005775	1	23.00	1.5	24.50
1021	Nguyễn Thị	Phong	SPH013406	1	24.00	0.5	24.50
1022	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	1	23.50	1.0	24.50
1023	Vi Thị	Hảo	TDV008884	1	21.00	3.5	24.50
1024	Nguyễn Thị	Diệp	THP002082	1	23.50	1.0	24.50
1025	Triệu Mùi	Ten	TND022246	1	21.00	3.5	24.50
1026	Trương Thúy	Nga	SPH012233	1	24.00	0.5	24.50
1027	Lê Thị Khánh	Linh	HDT014099	1	23.50	1.0	24.50
1028	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028207	2	23.25	1.0	24.25
1029	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	2	23.75	0.5	24.25
1030	Trần Thị	Nha	TND018488	2	20.75	3.5	24.25
1031	Đinh Thị	Liên	LNH005113	2	20.75	3.5	24.25
1032	Phạm Thị	Bình	HDT002247	2	20.75	3.5	24.25
1033	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	2	23.75	0.5	24.25
1034	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	2	22.75	1.5	24.25
1035	Lê Thị	Linh	SPH009611	2	23.75	0.5	24.25
1036	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	THP006593	2	23.25	1.0	24.25
1037	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	2	23.25	1.0	24.25
1038	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	2	22.75	1.5	24.25
1039	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	2	20.75	3.5	24.25
1040	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	2	23.25	1.0	24.25
1041	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
1042	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	2	22.75	1.5	24.25
1043	Bùi Thị	Trang	LNH009651	2	20.75	3.5	24.25
1044	Lê Thị	Giang	HDT006293	2	23.25	1.0	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
1046	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
1047	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	1	23.25	1.0	24.25
1048	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	1	23.25	1.0	24.25
1049	Hoàng Thị	Thanh	HDT022544	1	22.75	1.5	24.25
1050	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	1	22.75	1.5	24.25
1051	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
1052	Lò Thị	Thảo	TTB005882	1	20.75	3.5	24.25
1053	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	1	23.25	1.0	24.25
1054	Nguyễn Hương	Giang	SPH004550	1	23.25	1.0	24.25
1055	Vũ Hương	Hà	TND006516	1	20.75	3.5	24.25
1056	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	1	20.75	3.5	24.25
1057	Phạm Thị	Trình	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
1058	Đào Duy	Hải	TLA004256	1	23.75	0.5	24.25
1059	Nguyễn Thu	Hiền	KQH004608	1	20.75	3.5	24.25
1060	Nguyễn Thu	Phương	SPH013800	1	23.75	0.5	24.25
1061	Đỗ Quân	Thái	SPH015176	1	23.75	0.5	24.25
1062	Võ Phương	Linh	TDV017423	1	23.75	0.5	24.25
1063	Chầu Thị	Thuỷ	TQU005415	1	20.75	3.5	24.25
1064	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
1065	Ngọc Bích	Thảo	TND023059	1	20.75	3.5	24.25
1066	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	1	20.75	3.5	24.25
1067	Phạm Thị Huyền	Trang	YTB023005	1	23.75	0.5	24.25
1068	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
1069	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013133	1	22.75	1.5	24.25
1070	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25
1071	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	1	24.25		24.25
1072	Kha Thị	Linh	TDV016493	1	20.75	3.5	24.25
1073	Đinh Thị	Thu	TQU005345	1	22.75	1.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	1	23.75	0.5	24.25
1075	Phạm Thị	Lan	HDT013272	1	22.75	1.5	24.25
1076	Hoàng Phương	Thúy	TND024993	1	20.75	3.5	24.25
1077	Long Thị	Vân	TND029083	1	20.75	3.5	24.25
1078	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
1079	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	3	20.50	3.5	24.00
1080	Phùng Vân	Pu	TND020306	2	20.50	3.5	24.00
1081	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	2	22.50	1.5	24.00
1082	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	2	23.00	1.0	24.00
1083	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00
1084	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	2	20.50	3.5	24.00
1085	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	2	20.50	3.5	24.00
1086	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
1087	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	2	23.00	1.0	24.00
1088	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	2	22.50	1.5	24.00
1089	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	2	23.50	0.5	24.00
1090	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	2	23.50	0.5	24.00
1091	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	2	23.50	0.5	24.00
1092	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	2	22.50	1.5	24.00
1093	Ma Thị	Lan	TQU002923	2	20.50	3.5	24.00
1094	Phùng Thị	Oanh	TND019393	2	20.50	3.5	24.00
1095	Vũ Thị	Nữ	TND019228	2	22.50	1.5	24.00
1096	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	2	23.00	1.0	24.00
1097	Đinh Thị	Phương	TDL011197	2	22.50	1.5	24.00
1098	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
1099	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	2	23.00	1.0	24.00
1100	Chu Tú	Anh	TND000127	2	20.50	3.5	24.00
1101	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	2	22.50	1.5	24.00
1102	Trần Thu	Huyền	TQU002515	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	2	23.50	0.5	24.00
1104	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	1	20.50	3.5	24.00
1105	Lò Văn	Thủy	TTB006374	1	20.50	3.5	24.00
1106	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	1	20.50	3.5	24.00
1107	Dương Thị	Thu	TQU005343	1	20.50	3.5	24.00
1108	Lý Thị	Niệm	TND019129	1	20.50	3.5	24.00
1109	Lương Thị	Thủy	TQU005461	1	20.50	3.5	24.00
1110	Trần Thị Hải	Yến	SPH019900	1	22.50	1.5	24.00
1111	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	1	20.50	3.5	24.00
1112	Nguyễn Thị	út	TND028795	1	22.50	1.5	24.00
1113	Đỗ Thị Hoàng	Anh	SPH000227	1	23.00	1.0	24.00
1114	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	1	20.50	3.5	24.00
1115	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	1	23.00	1.0	24.00
1116	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	1	23.50	0.5	24.00
1117	Hoàng Thị Huyền	Trang	THV013712	1	22.50	1.5	24.00
1118	Đỗ Kiều	Nga	HDT017325	1	23.50	0.5	24.00
1119	Vương Trịnh	Huấn	TND010011	1	20.50	3.5	24.00
1120	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
1121	Nguyễn Thu	Hà	HDT006891	1	23.00	1.0	24.00
1122	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	1	20.50	3.5	24.00
1123	Nguyễn Thị	Thơm	TND024255	1	22.50	1.5	24.00
1124	Vàng Thị	Cao	THV001139	1	20.50	3.5	24.00
1125	Lò Văn	Mạnh	TTB003915	1	20.50	3.5	24.00
1126	Hà Thị	Duyên	TND004294	1	20.50	3.5	24.00
1127	Tần San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
1128	Ngô Thị	Hà	HDT006762	1	22.50	1.5	24.00
1129	Phạm Thị	Thu	THV012854	1	22.50	1.5	24.00
1130	Vũ Thị	Mây	TND016358	1	22.50	1.5	24.00
1131	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Hoàng Thị Trà	Giang	TDV007188	1	22.00	2.0	24.00
1133	Phạm Thị	Lý	HDT015892	1	22.50	1.5	24.00
1134	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007012	1	23.50	0.5	24.00
1135	Vàng Thị	Dếnh	TTB001001	1	20.50	3.5	24.00
1136	Dương Thùy	Trang	TTB006727	1	22.50	1.5	24.00
1137	Hoàng Thị Hải	Yến	TTB007675	1	20.50	3.5	24.00
1138	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	1	20.50	3.5	24.00
1139	Nông Thị Như	Quỳnh	THV011161	1	20.50	3.5	24.00
1140	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	1	22.50	1.5	24.00
1141	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	1	20.50	3.5	24.00
1142	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	1	20.50	3.5	24.00
1143	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	1	22.50	1.5	24.00
1144	Chu Thị	Thảo	SPH015531	1	23.50	0.5	24.00
1145	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	2	22.75	1.0	23.75
1146	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	2	22.75	1.0	23.75
1147	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	2	22.25	1.5	23.75
1148	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	2	22.25	1.5	23.75
1149	Chu Thị	Hồng	TND009691	2	20.25	3.5	23.75
1150	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	2	23.25	0.5	23.75
1151	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
1152	Trần Thị	Tâm	TND022148	2	20.25	3.5	23.75
1153	Dương Thị	Thanh	TND022393	2	22.75	1.0	23.75
1154	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	2	23.25	0.5	23.75
1155	Ngô Thị	Hằng	TND007355	2	22.75	1.0	23.75
1156	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	2	23.25	0.5	23.75
1157	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	2	22.75	1.0	23.75
1158	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	2	22.25	1.5	23.75
1159	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	2	23.25	0.5	23.75
1160	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	2	22.75	1.0	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	2	22.25	1.5	23.75
1162	Trần Hữu	Đức	TDV006981	2	23.25	0.5	23.75
1163	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	2	23.25	0.5	23.75
1164	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	1	22.25	1.5	23.75
1165	Lê Thị	Thắm	TND023438	1	20.25	3.5	23.75
1166	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	1	22.25	1.5	23.75
1167	Quàng Văn	Kéo	TTB003029	1	20.25	3.5	23.75
1168	Triệu Thị	Tấn	TND022238	1	20.25	3.5	23.75
1169	Vũ Thị Minh	Hòa	LNH003555	1	22.25	1.5	23.75
1170	Mai Thị	Oanh	HDT019239	1	20.25	3.5	23.75
1171	Nguyễn Bùi Thu	Hiền	KQH004538	1	20.25	3.5	23.75
1172	Đỗ Văn	Thiện	SPH016094	1	23.25	0.5	23.75
1173	Vũ Thị	Tư	YTB024658	1	22.75	1.0	23.75
1174	Lương Thị	Phương	TDV023878	1	22.75	1.0	23.75
1175	Hoàng Thùy	Linh	TND014211	1	20.25	3.5	23.75
1176	Bùi Thị	Mừng	HHA009361	1	22.25	1.5	23.75
1177	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	1	20.25	3.5	23.75
1178	Nguyễn Mỹ	Linh	THV007540	1	23.25	0.5	23.75
1179	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	1	22.25	1.5	23.75
1180	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	1	20.25	3.5	23.75
1181	Trương Thị	Nhung	TND019052	1	22.25	1.5	23.75
1182	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	1	22.25	1.5	23.75
1183	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	1	20.25	3.5	23.75
1184	Phạm Thị	Dung	HDT004016	1	22.25	1.5	23.75
1185	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	1	22.25	1.5	23.75
1186	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001785	1	22.25	1.5	23.75
1187	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	1	22.25	1.5	23.75
1188	Nguyễn Thị Bích	Hiền	HVN003399	1	23.25	0.5	23.75
1189	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Nông Thị	Thơm	TND024271	1	20.25	3.5	23.75
1191	Dương Thị	Sâm	HDT021448	1	22.75	1.0	23.75
1192	Linh Văn	Phong	TND019536	1	20.25	3.5	23.75
1193	Nguyễn Hữu	Phước	KHA007875	1	22.75	1.0	23.75
1194	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75
1195	Nông Văn	Quân	TND020573	2	20.00	3.5	23.50
1196	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	2	23.00	0.5	23.50
1197	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	2	22.50	1.0	23.50
1198	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	2	22.50	1.0	23.50
1199	Trần Ngọc	ánh	THV000852	2	22.00	1.5	23.50
1200	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	2	22.00	1.5	23.50
1201	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	2	20.00	3.5	23.50
1202	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	2	21.00	2.5	23.50
1203	Trần Đức	Dũng	HDT004396	2	22.50	1.0	23.50
1204	Vi Phương	Thảo	TDV028494	2	20.00	3.5	23.50
1205	Triệu Văn	Cao	TND002019	2	20.00	3.5	23.50
1206	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	2	22.00	1.5	23.50
1207	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	2	20.00	3.5	23.50
1208	Quảng Thị	Phương	TTB004924	2	20.00	3.5	23.50
1209	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	2	22.50	1.0	23.50
1210	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	2	22.50	1.0	23.50
1211	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	2	22.50	1.0	23.50
1212	Tô Thị	Hường	TND012241	2	20.00	3.5	23.50
1213	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	2	22.00	1.5	23.50
1214	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	2	22.50	1.0	23.50
1215	Ma Thị	Thảo	TQU005070	1	20.00	3.5	23.50
1216	Thào A	Sam	TTB005250	1	20.00	3.5	23.50
1217	Hoàng Thị	Hồng	HDT010055	1	22.50	1.0	23.50
1218	Đỗ Thị	Hồng	YTB008940	1	22.50	1.0	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	1	20.00	3.5	23.50
1220	Sống A	Quả	TTB005002	1	20.00	3.5	23.50
1221	Đàm Thị Thanh	Duyên	TND004283	1	20.00	3.5	23.50
1222	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	3.5	23.50
1223	Trần Hương	Ly	SPH010876	1	23.50		23.50
1224	Sùng A	Vảng	TTB007405	1	20.00	3.5	23.50
1225	Vũ Mạnh	Hùng	TQU002324	1	22.00	1.5	23.50
1226	Quảng Thị	Hỏa	TTB002400	1	20.00	3.5	23.50
1227	Đặng Mai	Huyền	HHA006245	1	23.00	0.5	23.50
1228	Lê Thị	Tâm	SPH015067	1	22.00	1.5	23.50
1229	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	1	22.00	1.5	23.50
1230	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	1	23.00	0.5	23.50
1231	Hoàng Thị	Huế	TND010051	1	20.00	3.5	23.50
1232	Bế Thị	Huyền	TND010967	1	20.00	3.5	23.50
1233	Vũ Thị Thùy	Linh	YTB013198	1	22.50	1.0	23.50
1234	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	1	22.00	1.5	23.50
1235	Đặng Thị	Trang	HDT026302	1	22.00	1.5	23.50
1236	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	1	22.50	1.0	23.50
1237	Quảng Thị	Tiến	TTB006589	1	20.00	3.5	23.50
1238	Trần Lệ	Tĩnh	TTB006645	1	22.00	1.5	23.50
1239	Nguyễn Thị Lan	Chi	TND002281	1	20.00	3.5	23.50
1240	Hà Thị	Huynh	TQU002531	1	20.00	3.5	23.50
1241	Dương Thị	Liễu	TND013923	1	20.00	3.5	23.50
1242	Đinh Thị Thu	Huyền	TQU002401	1	22.00	1.5	23.50
1243	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	1	20.00	3.5	23.50
1244	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	2	19.75	3.5	23.25
1245	Trần Thị	Nga	THP010043	2	22.25	1.0	23.25
1246	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	2	22.25	1.0	23.25
1247	Lò Thị	Thanh	TTB005812	2	19.75	3.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	2	19.75	3.5	23.25
1249	Lê Thị	Khánh	HDT012671	2	22.25	1.0	23.25
1250	Cao Thị	Thơm	THP013977	2	22.25	1.0	23.25
1251	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	2	21.75	1.5	23.25
1252	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
1253	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	2	19.75	3.5	23.25
1254	Hồ A	Lênh	THV007142	2	19.75	3.5	23.25
1255	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	2	21.75	1.5	23.25
1256	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	2	21.75	1.5	23.25
1257	Hoàng Thị	Mến	THV008642	2	21.75	1.5	23.25
1258	Quách Thị	Châm	LNH000911	2	19.75	3.5	23.25
1259	Trần Thị	Hoa	TDV010974	2	22.25	1.0	23.25
1260	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	2	19.75	3.5	23.25
1261	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	2	22.25	1.0	23.25
1262	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	2	22.25	1.0	23.25
1263	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	1	19.75	3.5	23.25
1264	Phan Thị	Tĩnh	TND025687	1	19.75	3.5	23.25
1265	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	1	21.75	1.5	23.25
1266	Hoàng Thị	Trang	TND026192	1	19.75	3.5	23.25
1267	Trần Quốc	Huân	TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
1268	Ma Xuân	Thành	TQU004988	1	19.75	3.5	23.25
1269	Phan Thị	Hằng	DCN003503	1	22.75	0.5	23.25
1270	Giàng A	Dơ	THV001993	1	19.75	3.5	23.25
1271	Lê Thị Lê	Quyển	TND020902	1	21.75	1.5	23.25
1272	Đặng Thị	Lan	HDT013138	1	22.25	1.0	23.25
1273	Vũ Thị Huyền	Trang	TLA014338	1	22.25	1.0	23.25
1274	Hà Thị Linh	Chi	HDT002506	1	22.25	1.0	23.25
1275	Hà Thị Diệu	Mai	TND015908	1	19.75	3.5	23.25
1276	Ngô Phương	Đông	YTB005139	1	22.25	1.0	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	1	22.25	1.0	23.25
1278	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
1279	Vũ Thị	Vân	SPH019334	1	22.25	1.0	23.25
1280	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	1	21.75	1.5	23.25
1281	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	1	22.25	1.0	23.25
1282	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	1	22.25	1.0	23.25
1283	Ngô Thị Thu	Thảo	KQH012602	1	22.75	0.5	23.25
1284	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	1	22.75	0.5	23.25
1285	Đào Thị	Bích	HDT002076	1	22.25	1.0	23.25
1286	Lê Thị Nhật	Lệ	TTB003409	1	21.75	1.5	23.25
1287	Quách Văn	Long	TQU003359	1	19.75	3.5	23.25
1288	Vũ Minh	Tú	TND027617	1	21.75	1.5	23.25
1289	Vĩ Văn	Son	THV011363	1	19.75	3.5	23.25
1290	Phạm Thị	Trang	THV013962	3	21.50	1.5	23.00
1291	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	2	19.50	3.5	23.00
1292	Phan Diệu	Anh	TTB000226	2	21.50	1.5	23.00
1293	Trần Thương	Thương	THV013317	2	19.50	3.5	23.00
1294	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	2	19.50	3.5	23.00
1295	Lò Thị	Chung	TTB000738	2	19.50	3.5	23.00
1296	Tạ Thị	Huyền	BJA006109	2	22.00	1.0	23.00
1297	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	2	22.00	1.0	23.00
1298	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	2	21.50	1.5	23.00
1299	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	2	19.50	3.5	23.00
1300	Vĩ Thị	Phương	TND020125	2	19.50	3.5	23.00
1301	Hồ Thị	Yến	TDV036873	2	22.00	1.0	23.00
1302	Đào Thị	Thu	HVN010083	2	22.00	1.0	23.00
1303	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	1	22.00	1.0	23.00
1304	Đặng Văn	Anh	TND000277	1	21.50	1.5	23.00
1305	Lầu A	Hồng	TTB002567	1	19.50	3.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Vũ Thị	Lý	HDT015908	1	22.00	1.0	23.00
1307	Đinh Thị	Vường	DCN013278	1	19.50	3.5	23.00
1308	Vũ Thị	Thu	TDV029960	1	22.00	1.0	23.00
1309	Nguyễn Minh	Chuyên	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
1310	Vì Thị Bích	Vân	TND029201	1	19.50	3.5	23.00
1311	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	1	22.50	0.5	23.00
1312	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	1	22.50	0.5	23.00
1313	Trần Thị	Dịu	TLA002418	1	22.00	1.0	23.00
1314	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	1	22.00	1.0	23.00
1315	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	1	19.50	3.5	23.00
1316	Bùi Thùy	Ninh	HHA010694	1	22.50	0.5	23.00
1317	Nguyễn Thị Linh	Trang	THP015178	1	22.50	0.5	23.00
1318	Bùi Văn	Bằng	HDT002039	1	19.50	3.5	23.00
1319	Bùi Thị Thanh	Thơm	TLA013102	1	22.00	1.0	23.00
1320	Lành Thúy	Ngân	TND017559	1	19.50	3.5	23.00
1321	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	1	19.50	3.5	23.00
1322	Lường Thị	Dương	TTB001351	1	19.50	3.5	23.00
1323	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	TTB005207	1	21.50	1.5	23.00
1324	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	1	21.50	1.5	23.00
1325	Lê Thị	Nhị	HDT018604	1	22.00	1.0	23.00
1326	Nguyễn Thị Thu	Huyền	TLA006382	1	22.00	1.0	23.00
1327	Nông Thùy	Linh	TND014648	1	19.50	3.5	23.00
1328	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	1	19.50	3.5	23.00
1329	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	1	21.50	1.5	23.00
1330	Nguyễn Tuấn	Thành	TND022677	1	19.50	3.5	23.00
1331	La Phương	Thắm	TND023432	2	19.25	3.5	22.75
1332	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	2	19.25	3.5	22.75
1333	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	2	19.25	3.5	22.75
1334	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	2	21.25	1.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Triệu Văn	Kiên	TTN008874	2	19.25	3.5	22.75
1336	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
1337	Trần Thị	Hậu	SPH005825	2	19.25	3.5	22.75
1338	Bùi Thị	Hà	HDT006522	2	19.25	3.5	22.75
1339	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	2	21.75	1.0	22.75
1340	Lù Ti	Hình	THV004692	2	19.25	3.5	22.75
1341	Hà Kiều	Ly	THV008266	2	19.25	3.5	22.75
1342	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	1	19.25	3.5	22.75
1343	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
1344	Nguyễn Bá	Huỳnh	TND011482	1	19.25	3.5	22.75
1345	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	1	21.25	1.5	22.75
1346	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
1347	Tần Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
1348	Chu Thị Lan	Hương	TND011680	1	21.25	1.5	22.75
1349	Nguyễn Thị	Chang	TTB000488	1	21.25	1.5	22.75
1350	Nguyễn Thị	Linh	TND014493	1	19.25	3.5	22.75
1351	Trần Văn	Tuấn	TND028031	1	19.25	3.5	22.75
1352	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	1	21.25	1.5	22.75
1353	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	1	19.25	3.5	22.75
1354	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	1	19.25	3.5	22.75
1355	Lê Thị Minh	Hiếu	SPH006258	1	21.25	1.5	22.75
1356	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
1357	Nguyễn Thị	ánh	TQU000284	1	21.25	1.5	22.75
1358	Hoàng Văn	Huy	HDT010997	1	20.25	2.5	22.75
1359	Trần Thị Thùy	Dương	HDT004993	1	21.75	1.0	22.75
1360	Phạm Thị	Hòa	HDT009495	1	21.25	1.5	22.75
1361	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	1	21.25	1.5	22.75
1362	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
1363	Hoàng Văn	Sang	TND021309	1	19.25	3.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1364	Chu Thị	Phượng	TND020152	1	21.75	1.0	22.75
1365	Hoàng Văn	Nhật	YTB016209	1	21.75	1.0	22.75
1366	Lâu Thị	Bình	TND001846	2	19.00	3.5	22.50
1367	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	2	19.00	3.5	22.50
1368	Phạm Thị	Lan	HVN005564	2	21.50	1.0	22.50
1369	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	2	21.00	1.5	22.50
1370	Sùng A	Ná	TTB004102	2	19.00	3.5	22.50
1371	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	2	21.00	1.5	22.50
1372	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	2	21.50	1.0	22.50
1373	Nguyễn Mai	Phượng	TQU004341	1	21.00	1.5	22.50
1374	Lương Thị	Phường	TND020146	1	19.00	3.5	22.50
1375	Phan Kim	Hoàn	THV004952	1	21.00	1.5	22.50
1376	Tô Thị Quỳnh	Anh	HHA000885	1	22.00	0.5	22.50
1377	Giàng Thị	Che	TTB000535	1	19.00	3.5	22.50
1378	Vương Thị	Lan	TQU002948	1	19.00	3.5	22.50
1379	Nông Thị Bích	Thảo	TND023242	1	19.00	3.5	22.50
1380	Vũ Thị	Thu	BKA012568	1	21.50	1.0	22.50
1381	Nông Thị Hải	Yến	TND030108	1	19.00	3.5	22.50
1382	Triệu Thị	Ngoan	TND017832	1	19.00	3.5	22.50
1383	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	1	21.00	1.5	22.50
1384	Nông Cao	Định	TTN003809	1	19.00	3.5	22.50
1385	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	2	21.25	1.0	22.25
1386	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	2	21.75	0.5	22.25
1387	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
1388	Vũ Thị Thu	Hương	TTN008375	1	20.75	1.5	22.25
1389	Giàng Thị	Mây	TTB003961	1	18.75	3.5	22.25
1390	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	1	20.75	1.5	22.25
1391	Vũ Thị	Phượng	TND020139	1	20.75	1.5	22.25
1392	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	1	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1393	Trương Thị	Xinh	HDT030143	1	18.75	3.5	22.25
1394	Hoàng Thị	Lưỡng	TQU003434	1	18.75	3.5	22.25
1395	Sùng Seo	Vảng	THV015071	1	18.75	3.5	22.25
1396	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	1	21.25	1.0	22.25
1397	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25
1398	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
1399	Triệu Đức	Hương	TND012030	1	18.75	3.5	22.25
1400	Nông Thị	Huyền	TQU002400	1	18.75	3.5	22.25
1401	Trương Thị	Vân	TLA015511	1	21.25	1.0	22.25
1402	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25
1403	Phàn A	ỏn	THV010150	1	18.75	3.5	22.25
1404	Nguyễn Thị Thúy	Hiên	LNH003170	1	21.75	0.5	22.25
1405	Dào Thu	Hương	TND011684	1	18.75	3.5	22.25
1406	Triệu Thị	Oanh	HDT019308	1	18.75	3.5	22.25
1407	Nguyễn Thiện	Trường	SPH018247	1	21.75	0.5	22.25
1408	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	1	21.75	0.5	22.25
1409	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	1	21.25	1.0	22.25
1410	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25
1411	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
1412	Bùi Thị	Lụa	LNH005706	1	18.75	3.5	22.25
1413	Đinh Thị	Hương	TND011720	2	20.50	1.5	22.00
1414	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	2	21.00	1.0	22.00
1415	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	2	21.50	0.5	22.00
1416	Lưu Thị	Thoa	TND024098	2	18.50	3.5	22.00
1417	Bùi Ngọc	Huyền	LNH004127	1	18.50	3.5	22.00
1418	Hà Thị	Trà	TND025944	1	18.50	3.5	22.00
1419	Hà Thị	Hằng	THV004010	1	20.50	1.5	22.00
1420	Phan Thành	Nghệ	KQH009725	1	21.50	0.5	22.00
1421	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	1	21.50	0.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1422	Phạm Thị	Linh	TDV017172	1	21.00	1.0	22.00
1423	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	1	20.50	1.5	22.00
1424	Hoàng Thị	Thiệp	TND023910	1	18.50	3.5	22.00
1425	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
1426	Hà Duy	Khánh	LNH004763	1	18.50	3.5	22.00
1427	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	1	20.50	1.5	22.00
1428	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
1429	Lê Thị Kiều	Oanh	HDT019209	1	18.50	3.5	22.00
1430	Lương Minh	Phụng	HDT019590	1	18.50	3.5	22.00
1431	Lường Thị	Xuân	TTB007629	1	18.50	3.5	22.00
1432	Bùi Phương	Yên	HDT030273	1	18.50	3.5	22.00
1433	Lê Thị Mỹ	Linh	TLA007817	1	21.00	1.0	22.00
1434	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
1435	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	1	18.50	3.5	22.00
1436	Lê Thị Trà	Mi	HDT016421	1	20.50	1.5	22.00
1437	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009707	1	22.00		22.00
1438	Ma Hải	Giang	TND005870	1	18.50	3.5	22.00
1439	Nguyễn Thị Kiều	Trang	TTB006792	1	20.50	1.5	22.00
1440	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	1	20.50	1.5	22.00
1441	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
1442	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	2	20.25	1.5	21.75
1443	Ngô Văn	Thuận	TND024534	1	18.25	3.5	21.75
1444	Từ Thị	Tuyến	TND028583	1	18.25	3.5	21.75
1445	Phạm Viết	Khởi	THP007553	1	21.25	0.5	21.75
1446	Nguyễn Thị	Thảo	THP013415	1	20.75	1.0	21.75
1447	Lìm Thị	Luyến	THV008152	1	18.25	3.5	21.75
1448	Phan Thị	Phương	TND020040	1	20.25	1.5	21.75
1449	Nguyễn Thanh	Tâm	TND022112	1	18.25	3.5	21.75
1450	Trần Thị	Luyến	TQU003413	1	18.25	3.5	21.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1451	Đặng Mùi	Mui	TND016739	1	18.25	3.5	21.75
1452	Trần Thị Hồng	Chinh	DCN001295	1	19.25	2.5	21.75
1453	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	2	18.00	3.5	21.50
1454	Lê Thị	Trang	TLA013996	2	20.50	1.0	21.50
1455	Mào Thị	Duyên	TTB001293	2	18.00	3.5	21.50
1456	Đào Bích	Ngọc	THV009420	2	18.00	3.5	21.50
1457	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	2	20.00	1.5	21.50
1458	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	1	20.00	1.5	21.50
1459	Nguyễn Thị	Hường	KQH006891	1	21.00	0.5	21.50
1460	Đào Hồng	Oanh	TND019265	1	18.00	3.5	21.50
1461	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	1	18.00	3.5	21.50
1462	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	1	18.00	3.5	21.50
1463	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	1	20.00	1.5	21.50
1464	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	1	20.50	1.0	21.50
1465	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	1	20.00	1.5	21.50
1466	Triệu Thị	Huyền	TQU002506	1	18.00	3.5	21.50
1467	Chu Thị	Nhung	TND018767	1	18.00	3.5	21.50
1468	Nguyễn Thị	Tuyết	HDT029103	1	18.00	3.5	21.50
1469	Nguyễn Mỹ	Hạnh	KHA003083	1	20.50	1.0	21.50
1470	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	1	20.50	1.0	21.50
1471	Trần Quốc	Khoa	TDV015108	1	20.00	1.5	21.50
1472	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	1	18.00	3.5	21.50
1473	Phạm Thị	Diện	HDT003593	1	20.50	1.0	21.50
1474	Vàng Thị	Chăm	THV001185	1	18.00	3.5	21.50
1475	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	1	18.00	3.5	21.50
1476	Đinh Kiều	Anh	TND000234	2	17.75	3.5	21.25
1477	Bế Ngọc	Hải	TND006560	2	17.75	3.5	21.25
1478	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	2	19.75	1.5	21.25
1479	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	2	20.75	0.5	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1480	Lê Văn	Đức	HDT005906	1	20.25	1.0	21.25
1481	Trần Thị	Huyền	HDT011658	1	20.25	1.0	21.25
1482	Phan Thị Thanh	Nhàn	TDV021838	1	20.75	0.5	21.25
1483	Vì Thị	Thao	TND022768	1	17.75	3.5	21.25
1484	Nông Thị	Nhung	TND018993	1	17.75	3.5	21.25
1485	Hà Kiều	Ngân	TND017539	1	17.75	3.5	21.25
1486	Nguyễn Thị	Mai	LNH005950	1	20.75	0.5	21.25
1487	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	1	19.75	1.5	21.25
1488	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	1	20.25	1.0	21.25
1489	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
1490	Vũ Thị	Thanh	THP013104	1	20.75	0.5	21.25
1491	Lò Thị	Thuận	TTB006312	1	17.50	3.5	21.00
1492	Giàng A	Cu	TTB000851	1	17.50	3.5	21.00
1493	Vàng Seo	Hài	THV003665	1	17.50	3.5	21.00
1494	Nguyễn Thị	Trang	THP015240	1	20.00	1.0	21.00
1495	Lò Thị	Hoài	TTB002407	1	17.50	3.5	21.00
1496	Giàng A	Minh	TTB003997	1	17.50	3.5	21.00
1497	Hoàng Thị	Hoàn	TND009279	1	17.50	3.5	21.00
1498	Hoàng Thị Kim	Uyên	TQU006362	1	17.50	3.5	21.00
1499	Phạm Thị	Bến	HDT002070	1	19.50	1.5	21.00
1500	Lê Mạnh	Tuấn	THV014537	1	20.00	1.0	21.00
1501	Nông Thị Thu	Trà	TND025976	1	17.50	3.5	21.00
1502	Tô Lan	Hương	THV006312	1	19.50	1.5	21.00
1503	Phương Thị	Xanh	TND029725	1	17.50	3.5	21.00
1504	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
1505	Vũ Thành	Duy	TND004268	2	19.25	1.5	20.75
1506	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	2	19.75	1.0	20.75
1507	Dương Thị	Cúc	TQU000628	1	17.25	3.5	20.75
1508	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1509	Lê Thị	Sơn	HDT021668	1	19.25	1.5	20.75
1510	Nguyễn Thị	Thảo	NLS011419	1	19.25	1.5	20.75
1511	Lê Thị	Huyền	YTB009944	1	19.75	1.0	20.75
1512	Nguyễn Yến	Nhi	HHA010474	1	20.25	0.5	20.75
1513	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	2	19.00	1.5	20.50
1514	Vì Thị	Hiền	TQU001751	1	19.00	1.5	20.50
1515	Sùng A	Tá	TTB005495	1	17.00	3.5	20.50
1516	Nông Thành	Vinh	THV015293	1	17.00	3.5	20.50
1517	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	1	20.00	0.5	20.50
1518	Pờ Dền	Phú	THV010276	1	17.00	3.5	20.50
1519	Hà Thị	Linh	TQU003099	1	17.00	3.5	20.50
1520	Hoàng Thế	Ngọc	HHA010066	1	20.00	0.5	20.50
1521	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	1	18.75	1.5	20.25
1522	Đình Thị Hồng	Thanh	HHA012419	1	19.75	0.5	20.25
1523	Nguyễn Kiều	Anh	TDV000800	1	19.25	1.0	20.25
1524	Lục Thị Quỳnh	Ngọc	TND017957	1	16.50	3.5	20.00
1525	Hoàng Khánh	Linh	KQH007771	1	19.50	0.5	20.00
1526	Thào A	Tăng	TTB005526	1	16.50	3.5	20.00
1527	Nguyễn Thị	Mai	TND016007	1	18.50	1.5	20.00
1528	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	1	16.50	3.5	20.00
1529	Hà Thị	Huyền	TND011064	1	16.50	3.5	20.00
1530	Giàng Thị	Dinh	THV001961	1	16.50	3.5	20.00
1531	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	1	16.25	3.5	19.75
1532	Bàn Thị	Dung	TND003637	1	16.25	3.5	19.75
1533	Phan Thanh	Lịch	TND013784	1	16.00	3.5	19.50
1534	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	1	18.50	1.0	19.50
1535	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	1	18.00	1.5	19.50
1536	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	1	18.50	1.0	19.50
1537	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	1	16.00	3.5	19.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1538	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	1	15.75	3.5	19.25
1539	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	1	17.75	1.5	19.25
1540	Nguyễn Thị	Sen	DHU019430	1	18.25	1.0	19.25
1541	Vũ Thị	ánh	TND001455	4	17.00	1.5	19.00
1542	Đinh Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
1543	Bàn Văn	Dũng	TTB001186	1	15.50	3.5	19.00
1544	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	1	15.50	3.5	19.00
1545	Bùi Xuân	Thức	TDV030887	1	17.50	1.5	19.00
1546	Mùa A	Cầu	TTB000470	1	15.50	3.5	19.00
1547	Cà Thị	Hoa	TTB002291	1	15.50	3.5	19.00
1548	Lương Thị Thanh	Tuyền	TND028474	1	15.50	3.5	19.00
1549	Lục Thị	Tâm	TND022059	1	15.25	3.5	18.75
1550	Nguyễn Thị	Trang	THV013904	1	17.25	1.5	18.75
1551	Trương Đức	Quý	LNH007630	2	15.00	3.5	18.50
1552	Phạm Thị	Thanh	THP013075	1	18.00	0.5	18.50
1553	Lò Minh	Tiến	TTB006573	1	15.00	3.5	18.50
1554	Phạm Ngọc	Hoa	TQU001935	1	17.00	1.5	18.50
1555	Sùng A	Chô	THV001465	1	15.00	3.5	18.50
1556	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	1	16.75	1.5	18.25
1557	Vũ Thị	Huyền	YTB010311	1	17.00	1.0	18.00
1558	Trần Thị Minh	Nguyệt	TTN013012	1	16.50	1.5	18.00
1559	Lê Trung	Kiên	THV006740	1	15.50	2.5	18.00
1560	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	1	17.25	0.5	17.75
1561	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	1	17.00	0.5	17.50
1562	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	1	16.75	0.5	17.25
1563	Khổng Thị	Yến	HHA016534	1	16.75	0.5	17.25
1564	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75
1565	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	1	16.25	0.5	16.75
1566	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	1	15.00	1.5	16.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 55

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1567	Hoàng Thanh	Tài	TTB005499	1	15.00	1.5	16.50
1568	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	2	15.00	1.0	16.00
1569	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	2	15.00	0.5	15.50
1570	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	1	14.50	1.0	15.50
1571	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	1	11.75	3.5	15.25
1572	Lò Văn	Thanh	TTB005679	1	11.50	3.5	15.00
1573	Triệu Trung	Vĩnh	TND029463	1	11.50	3.5	15.00
1574	Nguyễn Hà	Trang	TTB006777	1	13.50	1.5	15.00

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU